

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V- TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Kiểm

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐ-HPT ngày 27/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Tiến H**, sinh năm 1982

ĐKKHKT: Khu 1, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 1, xã B, Hện P, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1985

ĐKKHKT: Khu 1, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Anh H có mặt, chị H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/202, bản tự khai ngày 01/12/2022 và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Lê Tiến H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27/01/2004, anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Thị H2 đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê Mỹ, Hện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế, cuộc sống gia đình. Khoảng tháng 6/2021 anh H đã làm đơn xin ly hôn chị H2 tại Tòa án nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, nhưng từ đó đến nay anh H, chị H2 sống ly thân, cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay anh H nhận thấy tình cảm với chị H2 không còn nên đề nghị Tòa án

giải quyết cho anh được ly hôn với chị H2.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có 03 con chung là Lê Nguyễn Yến Nhi, sinh ngày 17/10/2004, Lê Hoàng, sinh ngày 07/7/2008 và Lê Đức Anh, sinh ngày 10/01/2016. Hiện nay, cả 03 con chung đều đang sống cùng chị H2. Khi ly hôn, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Lê Nguyễn Yến Nhi vì cháu Nhi đã trưởng thành, lao động tự túc được. Anh H xin được nuôi cháu Lê Hoàng, còn cháu Lê Đức Anh để chị H2 nuôi. Anh H không đề nghị chị H2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Anh H xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không đề nghị gì.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H2. Về con chung: anh H nhất trí để chị H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Hoàng, sinh ngày 07/7/2008 và Lê Đức Anh, sinh ngày 10/01/2016. Anh H nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H2 là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng/ 02 con chung kể từ tháng 6/2023. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Phía bị đơn, chị Nguyễn Thị H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị H2, lấy lời khai của chị Nguyễn Thị H2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023 xác định: Chị H2 xác nhận ngày 27/01/2004, anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Thị H2 đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê Mỹ, Hện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống riêng tại Khu 1, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Theo chị H2 thì cuộc sống vợ chồng hàng ngày không có mâu thuẫn gì, vợ chồng không cãi nhau, xô xát bao giờ. Tuy nhiên, đến khoảng giữa năm 2021, chị H2 mới biết việc anh H có tình cảm với người phụ nữ khác và đã có 01 con gái riêng bên ngoài. Anh H đã làm đơn xin ly hôn chị H2 tại Tòa án và sau đó rút đơn để vợ chồng hòa giải. Từ thời điểm đó cho đến nay, anh H chHển ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân, thỉnh thoảng anh H về nhà khi gia đình có việc. Nay anh H xin ly hôn chị H2, chị H2 không đồng ý vì vợ chồng còn vướng mắc về tài sản chung, nợ chung. Chị H2 cho biết nếu Tòa án báo gọi đến làm việc chị cũng không có mặt được vì chị phải đi làm không xin nghỉ được. Nếu anh H vẫn kiên quyết xin ly hôn chị thì chị H2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H2 trình bày vợ chồng có 03 con chung là Lê Nguyễn Yến Nhi, sinh ngày 17/10/2004, Lê Hoàng, sinh ngày 07/7/2008 và Lê Đức Anh, sinh ngày 10/01/2016. Hiện nay, cả 03 con chung đều đang sống cùng chị H2. Nếu ly hôn, chị H2 không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Lê Nguyễn Yến Nhi vì cháu Nhi đã trưởng thành, lao động tự túc được. Chị H2 xin nuôi cháu Lê

Đức Anh, còn cháu Hoàng để cháu lựa chọn. Chị H2 đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H2 muốn vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh ngày 06/02/2023 tại khu dân cư cùng với trưởng khu 1, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là ông Trần Văn Nam: Ông Nam xác nhận sau khi chị H2, anh H kết hôn vợ chồng chung sống tại khu 1, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng anh H và chị H2 chung sống tại địa phương, ông Nam có biết việc vợ chồng anh H và chị H2 có mâu thuẫn tình cảm nhưng ông Nam không nắm cụ thể, ông Nam chỉ biết khoảng giữa năm 2021, anh H đã chửi ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, anh H đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn chị H2 tại Tòa án. Hiện nay, cả 03 con chung đều đang sống cùng chị H2. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS, khoản 4 Điều 147; Điều 273, BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tiến H được ly hôn chị Nguyễn Thị H2.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Hoàng, sinh ngày 07/7/2008 và Lê Đức Anh, sinh ngày 10/01/2016. Anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H2 là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng/02 con chung kể từ tháng 6/2023 đến khi cả 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công sức đóng góp: Anh H xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không có đề nghị gì, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, chị H2 muốn vợ chồng tự thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị H2 vắng mặt và không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/11/2022, anh Lê Tiến H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị H2, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Thị H2 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp cũng như các buổi hòa giải nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H2 là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Thị H2 đăng ký kết hôn ngày 27/01/2004 tại UBND xã Lê Mỹ, Hện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế, cuộc sống gia đình. Tháng 6/2021, anh H đã làm đơn xin ly hôn chị H2 tại Tòa án nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, nhưng từ đó đến nay anh H, chị H2 vẫn sống ly thân, cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H2 không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã đến làm việc tại nơi cư trú của chị H2 và tiến hành lấy lời khai. Căn cứ vào lời khai của chị H2 và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh chị cư trú xác nhận vợ chồng chị H2, anh H đã ly thân từ giữa năm 2021 và anh H đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn chị H2 tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định anh H, chị H2 đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương kHên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị H2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H2 không đến Tòa án để làm việc và hòa giải, chị H2 chỉ trình bày quan điểm tại biên bản lấy lời khai là không muốn ly hôn, còn nếu anh H kiên quyết xin ly hôn chị H2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Như vậy, có thể thấy chị H2 không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc anh H xin ly hôn chị H2 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Thị H2 có 03 con chung là Lê Nguyễn Yến Nhi, sinh ngày 17/10/2004, Lê Hoàng, sinh ngày 07/7/2008 và Lê Đức Anh, sinh ngày 10/01/2016.

Đối với cháu Lê Nguyễn Yến Nhi: Vì cháu Nhi đã trưởng thành, lao động tự túc được nên anh H và chị H2 đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lê Hoàng: Tại bản tự khai anh H đề nghị được nuôi cháu Hoàng, còn quan điểm chị H2 là để cháu lựa chọn ở với ai chị cũng đồng ý. Tại phiên tòa, anh H nhất trí với nguyện vọng của cháu Hoàng là xin ở với mẹ, chị H2 vắng mặt nên không có quan điểm.

Đối với cháu Lê Đức Anh, chị H2 có nguyện vọng xin nuôi cháu, anh H cũng nhất trí để chị H2 nuôi cháu Anh.

Xét thấy hai cháu Lê Hoàng và Lê Đức Anh đều còn nhỏ và cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Bản thân cháu Hoàng và cháu Anh cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, hơn nữa hiện hai cháu cũng đang ở với chị H2 ổn định từ khi anh H và chị H2 sống ly thân. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, cần giao cho chị Nguyễn Thị H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Hoàng, sinh ngày 07/7/2008 và Lê Đức Anh, sinh ngày 10/01/2016 cho đến khi hai cháu thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản lấy lời khai chị H2 đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Tại phiên tòa, anh H cũng nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H2 là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng/ 02 con chung kể từ tháng 6/2023. Phương thức cấp dưỡng theo định kì hàng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:

Khi ly hôn, anh H không có đề nghị gì về tài sản chung, nợ chung. Về công sức đóng góp: Anh H xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023, quan điểm chị H2 là muốn vợ chồng tự thỏa thuận, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H2 vắng mặt nên không có quan điểm, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: anh H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm

a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Tiến H xin ly hôn chị Nguyễn Thị H2.

Xử cho anh Lê Tiến H được ly hôn chị Nguyễn Thị H2.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Hoàng, sinh ngày 07/7/2008 và Lê Đức Anh, sinh ngày 10/01/2016. Anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H2 là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng/02 con chung kể từ tháng 6/2023 đến khi cả 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Tiến H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0010025 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Anh H còn phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

“ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TP;
- Chi cục THADS TP. V;
- UBND xã Lê Mỹ, h. Phù Ninh;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Cẩm Vân

